ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 73 /GPMT-UBND	*Đồng Nai, ngày 16 tháng 8 năm 2024*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường số 332/CĐN-HCTH ngày 21 tháng 5 năm 2024, Văn bản số 653/CĐN-HCTH ngày 02 tháng 8 năm 2024 về việc chỉnh sửa nội dung báo cáo đề xuất cấp lại Giấy phép môi trường của cơ sở cảng Đồng Nai, quy mô tiếp nhận tàu có trọng tải đến 5.000 DWT tại phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 393/TTr-STNMT ngày 06 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai, địa chỉ tại phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Cảng Đồng Nai, địa chỉ tại phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Cảng Đồng Nai.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 3600334112, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 17 tháng 7 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

1.4 Mã số thuế: 3600334112.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cho thuê kho, bãi và lưu chứa hàng hóa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Tổng diện tích của cơ sở (gồm: Giai đoạn 1, giai đoạn 1 mở rộng và một phần giai đoạn 2A): 140.158,3 m^2, trong đó: Diện tích đất là 129.431,6 m^2, diện tích mặt nước là 10.726,7 m^2.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

+ 05 cầu cảng (K1, K2, K2 mở rộng, K3, K5) tiếp nhận tàu có trọng tải 5.000 DWT và cầu cảng K4 nối bến sà lan 3.000 DWT.

+ Kho chứa + bãi tổng và các công trình phụ trợ: diện tích 129.431,6 m^2.

+ Hàng hóa qua cảng lớn nhất: hàng tổng hợp 1.003.000 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Từ ngày 16 tháng 8 năm 2024 đến ngày 16 tháng 8 năm 2034).

Giấy phép môi trường số 55/GPMT-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2023 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp cho cơ sở "Cảng Đồng Nai, quy mô tiếp nhận tàu có trọng tải đến 5.000 DWT" hết hiệu lực kể từ ngày giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức

Nơi nhận:
- Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai;
- Q. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Biên Hòa;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 73 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh của cảng

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nguồn số 1: Nước thải sau xử lý được xả ra sông Đồng Nai qua cửa xả. Vị trí xả thải: Cửa xả sau hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ: X = 1.205.667; Y = 400.443 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $107^0 45$, múi chiếu 3^0).

2.2. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 10 m^3/ngày.

2.2.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.2.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ

2.2.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1,2, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2	BOD_5	mg/l	36	
3	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	60	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	600	
5	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	1,2	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6	
7	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	36	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6	
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	7,2	
11	Tổng Coliform	MNP/100ml	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ nhà vệ sinh trong khu vực văn phòng được thu gom và dẫn về xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn. Nước thải sau khi được thu gom, xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 10 m^3/ngày.

- Cảng Đồng Nai đã xây lắp 05 bể tự hoại với tổng thể tích là 28,5 m^3 (bao gồm: 01 bể tại khu vực văn phòng thể tích 5,5 m^3; 01 bể tại khu Dịch vụ Cảng thể tích 5,5 m^3; 01 bể tại văn phòng trạm kiểm soát thể tích 5,5 m^3; 01 bể tại Nhà điều độ cầu K1 thể tích 5,5 m^3; 01 bể tại khu vực kho 5.000 m^2 thể tích 6,5 m^3).

- Nước thải sinh hoạt của Công ty Cổ phần Logistics Hóa Chất Xanh tại kho số 4 sử dụng nhà vệ sinh lưu động và Công ty TNHH Phát Thiên Phú tại kho số 3 sử dụng nhà vệ sinh lưu động, sau đó giao cho đơn vị có chức năng thu gom. Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh VT GAS có hệ thống xử lý nước thải riêng, không đấu nối chung với Cảng; Công ty TNHH Kho vận Hòa Phát - Đồng Nai sử dụng chung nhà vệ sinh với Cảng Đồng Nai.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt

- Tóm tắt quy trình: Nước thải sinh hoạt → Bể gom kết hợp điều hòa → Bể hiếu khí (Anoxic) → Bể hiếu khí vật liệu đệm (FBR) → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận sông Đồng Nai.

- Công suất thiết kế: 10 m^3/ngày.

- Hóa chất sử dụng: Chlorin.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Biện pháp phòng ngừa:

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đảm bảo không tắc nghẽn trong quá trình vận hành; định kỳ bảo dưỡng các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải và nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Đảm bảo vận hành theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

b) Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

- Nhân viên kiểm soát phát hiện sự cố tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nhân viên vận hành hệ thống xử lý đóng van nước thải đầu vào và nước thải sau xử lý tại các bể xử lý, sau đó nước thải được bơm về bể thu gom để lưu

chứa tạm thời và thông báo sự việc cho quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nhân viên kỹ thuật tiến hành sửa chữa, khắc phục lỗi của hệ thống xử lý nước thải.

- Sau khi sửa chữa và khắc phục xong, hệ thống sẽ tiếp tục xử lý phần nước lưu chứa.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Công ty không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu về bảo vệ môi trường như: Quy chuẩn nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1,2; nước thải sau xử lý được xả thải ra sông Đồng Nai.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải

3.3. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.4. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật.

3.5. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án. Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.7. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc xả thải ra môi trường.

Phụ lục 2

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 73 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do dự án không phát sinh khí thải tại nguồn, không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI

1. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu, giảm thiểu phát tán bụi và mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải.

2. Có các biện pháp kiểm soát, giải thiểu bụi phát sinh trong quá trình hoạt động của Cảng.

3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc xả khí thải ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 73 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Từ khu vực cầu cảng xuất/nhập hàng.

- Không phát sinh độ rung

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 1: Tọa độ: X = 1.205.420; Y = 400.386

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $107^0 45$, múi chiếu 3^0)

3. Tiếng ồn phát sinh phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	*Khu vực thông thường*

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gầy ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất. Thường xuyên bảo dưỡng và sữa chữa kịp thời các phương tiện giao thông phục vụ cơ sở; kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng cho các phương tiện giao thông.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 73 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bao bì bằng kim loại nhiễm dầu nhớt	18 01 02	Rắn	16	KS
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	5	NH
3	Các loại nhiên liệu thải khác (bao gồm cả hỗn hợp)	17 06 03	Lỏng	125	NH
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp	17 02 03	Lỏng	109	NH
5	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	17 06 01	Lỏng	47	NH
6	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	Lỏng	156	NH
7	Giẻ lau dầu nhiễm dầu	18 02 01	Rắn	94	KS
8	Ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	156	NH
9	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn	11	KS
Tổng khối lượng				**730**	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Giấy văn phòng, thùng carton, bao bì,…	18 01 05	Rắn	1.290	TT-R
2	Bùn thải từ bể tự hoại	12 06 13	Bùn	2.650	TT
3	Hộp chứa mực in (không có các thành phần nguy hại như mực in văn phòng, sách báo…) thải	08 02 08	Rắn	4	TT-R
4	Nước thải dằn tàu	-	Lỏng	200.000	-
Tổng khối lượng				**203.944**	
5	Vật chất nạo vét duy tu (01 năm 01 lần)	11 05 06	Rắn/Bùn	8.909.07 m^3/năm	TT-R

** Vật chất nạo vét duy tu được phân loại, quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 81, khoản 1 Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 66 Nghi định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.*

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	31,44
2	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm tái chế	2
3	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	11,488
	TỔNG KHỐI LƯỢNG	**44,928**

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 15 m^2 (Kích thước container: D x R x C = 06 m x 2,5 m x 2,5 m).

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Sử dụng container chứa hàng 20 feet, có kích thước D x R x C = 06 m x 2,5 m x 2,5 m, có mái che, chống thấm, có dấu hiệu cảnh báo, dán mã chất thải nguy hại.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng, phuy.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 14,64 m^2 (Kích thước container: D x R x C = 06 m x 2,44 m x 2,59 m)

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: sử dụng container chứa hàng 20 feet, có kích thước D x R x C = 06 m x 2,44 m x 2,59 m.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1.Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 60 lít và 120 lít đặt tại các khu vực nhà vệ sinh, văn phòng làm việc của cảng và các đơn vị thuê kho bãi (không bố trí khu vực lưu giữ tập trung).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy

hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn TCVN 6707:2009 về dấu hiệu cảnh báo chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

2. Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành cơ sở đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

3. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 73 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Công ty tiếp tục thực hiện các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với giai đoạn 2B đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2021 đối với dự án "Cảng Đồng Nai tại phường Long Bình Tân, quy mô tiếp nhận tàu có trọng tải đến 5.000 DWT", địa chỉ tại phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.

2. Sau khi đã hoàn thành các hạng mục, công trình hạ tầng và các yêu cầu về bảo vệ môi trường thuộc giai đoạn 2B của cơ sở, Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường theo quy định pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Tiếp tục thực hiện các hạng mục, công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình thi công các hạng mục công trình còn lại của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải; công trình xây dựng của dự án.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.

5. Thực hiện các trách nhiệm, yêu cầu khác đối với hoạt động nạo vét duy tu theo quy định pháp luật.

6. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hoá chất và các quy định khác có liên quan đến hoá chất hiện hành.

7. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ủy ban nhân dân phường Long Bình Tân, Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan.

8. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.